

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DX
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**Bản án số: 10/2019/HS-ST
Ngày 21/3/2019**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DX, TỈNH QUẢNG NAM**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Quốc

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Trường Sơn – Giáo viên đã nghỉ hưu

2. Ông Trịnh Sơn Hải – Cán bộ nghỉ hưu

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Đặng Thị Cẩm Nhung – Thư ký Toà án nhân dân huyện DX, tỉnh DX.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện DX tham gia phiên tòa:* Ông Lê Kim Vinh - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện DX, tỉnh DX, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 10/2019/HS-ST ngày 25/02/2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2019/QĐXXST-HS ngày 06/3/2019, đối với các bị cáo:

1. Đặng Anh V - Sinh ngày: 03/01/1995 tại DX, DX; Nơi cư trú: Thôn AL, xã Duy Thành, huyện DX, tỉnh DX; Nghề nghiệp: Hớt tóc; Trình độ học vấn: 10/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Giới tính: Nam; Con ông Đặng Văn T và bà Đỗ Thị N, chưa có vợ con; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị tạm giam từ ngày 14/5/2018 đến ngày 06/11/2018 được thay đổi bằng biện pháp ngăn chặn “Cho bảo lãnh”, có mặt tại phiên tòa.

2. Đoàn Ngọc T2- Sinh ngày: 02/3/1998 tại DX, DX; Nơi cư trú: Thôn AL, xã Duy Thành, huyện DX, tỉnh DX; Nghề nghiệp: Lái xe; Trình độ học vấn: 10/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Giới tính: Nam; Con ông Đoàn Ngọc T và bà Phan Thị Y, chưa có vợ con; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị tạm giam từ ngày 14/5/2018 đến ngày 12/9/2018 được thay đổi bằng biện pháp ngăn chặn “Cho bảo lãnh”, có mặt tại phiên tòa.

3. Phạm T (Tên gọi khác: Bia) - Sinh ngày: 18/8/1994 tại DX, DX; Nơi cư trú: Thôn Nhơn Bồi, xã Duy Thành, huyện DX, tỉnh DX; Nghề nghiệp: Cơ khí; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Giới tính: Nam; Con ông Phạm H và bà Trần Thị T, chưa có vợ con; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị

tạm giam từ ngày 14/5/2018 đến ngày 12/9/2018 được thay đổi bằng biện pháp ngăn chặn “Cho bảo lãnh”, có mặt tại phiên tòa.

4. Đặng Công V (Tên gọi khác: Cún) - Sinh ngày: 20/2/2000 tại thành phố Tam Kỳ, DX; Nơi cư trú: Khối phố MTB, phường TT, TP. Tam Kỳ, tỉnh DX; Nghề nghiệp: không; Trình độ học vấn: 09/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Giới tính: Nam; Con ông Đặng Công T và bà Trần Thị Lan H, chưa có vợ con; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị tạm giam từ ngày 14/5/2018 đến ngày 10/9/2018 được thay đổi bằng biện pháp ngăn chặn “Cho bảo lãnh”, có mặt tại phiên tòa.

5. Nguyễn Quốc S (Tên gọi khác: Xịt)- Sinh ngày: 04/7/1995 tại DX, DX; Nơi cư trú: Thôn AL, xã Duy Thành, huyện DX, tỉnh DX; Nghề nghiệp: Lái xe; Trình độ học vấn: 10/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Giới tính: Nam; Con ông Nguyễn D và bà Lê Thị Tám, chưa có vợ con; Tiền án, tiền sự: không; Về nhân thân: Năm 2011 Trộm cắp tài sản bị Tòa án nhân dân huyện DX xử phạt 06 tháng tù giam; Bị cáo bị tạm giam từ ngày 14/5/2018 đến ngày 10/10/2018 được thay đổi bằng biện pháp ngăn chặn “Cho bảo lãnh”, có mặt tại phiên tòa.

6. Nguyễn Hùng M - Sinh ngày: 10/7/1998 tại DX, DX; Nơi cư trú: Thôn AL, xã Duy Thành, huyện DX, tỉnh DX; Nghề nghiệp: không; Trình độ học vấn: 10/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Giới tính: Nam; Con ông Nguyễn Văn Dũng và bà Lê Thị Bé, có vợ là Lê Thanh Hà và có 01 con; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị tạm giam từ ngày 14/5/2018 đến ngày 06/11/2018 được thay đổi bằng biện pháp ngăn chặn “Cho bảo lãnh”, có mặt tại phiên tòa.

7. Võ Quang T (Tên gọi khác: Chim) - Sinh ngày: 26/9/1997 tại thành phố Tam Kỳ, DX; Nơi cư trú: Khối phố MTB, phường TT, TP. Tam Kỳ, tỉnh DX; Nghề nghiệp: không; Trình độ học vấn: 10/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Giới tính: Nam; Con ông Võ Văn Tvà bà Nguyễn Thị Lệ Thu, chưa có vợ con; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị tạm giam từ ngày 14/5/2018 đến ngày 10/10/2018 được thay đổi bằng biện pháp ngăn chặn “Cho bảo lãnh”, có mặt tại phiên tòa.

Người đại diện hợp pháp của bị cáo Đặng Công V: ông Đặng Công T và bà Trần Thị Lan H; Cùng trú tại: khối phố MTB, phường TT, TP Tam Kỳ, tỉnh DX (ông Thanh có mặt, bà Hương vắng mặt).

Người bào chữa cho bị cáo Đặng Công V: Bà Nguyễn Thị Thu Vy - là Trợ giúp viên pháp lý – thuộc T tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh DX; Địa chỉ: số 73 Phan Châu Trinh, Phường Phước Hòa, Tam Kỳ, DX (có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: bà Phan Thị C- sn 1962. Trú tại thôn Thanh Mỹ, xã Quê Xuân 1, huyện QS, tỉnh QN (có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ tháng 7/2017 đến tháng 01/2018, Đặng Anh V, Đoàn Ngọc T, Nguyễn Quốc S, Phạm T, Đặng Công V, Nguyễn Hùng M, Võ Quang T nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tài sản người khác thông qua mạng internet lấy tiền tiêu xài nên Anh V, Th, S, Tuấn, Công V, M, T đến quán internet K, K và Blue trên địa bàn huyện DX, tại đây các bị cáo tiến hành mua các website có lồng ghép nội dung, hình ảnh trao thưởng không có thật, sau đó mua nhiều facebook rác trên mạng và sử dụng phần mềm Nox (phần mềm giả lập hệ điều hành điện thoại trên máy tính) để đăng nhập vào từng tài khoản và gửi tin rao đến tất cả bạn bè (có trong các tài khoản này), với nội dung: *“Xin chúc mừng tài khoản facebook messenger của bạn đã may mắn nhận được giải nhất từ sự kiện tri ân khách hàng năm 2017©...Phần quà giải nhất của bạn gồm: 01 xe máy Honda SH 150i Việt Nam trị giá 81.500.000VNĐ, 01 phiếu quà tặng tiền mặt trị giá 200.000.000VNĐ, 01 thẻ sử dụng xăng miễn phí 1 năm ...Bây giờ bạn cần truy cập vào website (...), mọi thắc mắc xin liên hệ số điện thoại (...) để làm thủ tục nhận giải...”* để dụ dỗ, lôi kéo nhiều người đến với các website này. Khi có người tin rằng mình đã may mắn trúng thưởng gọi đến, các bị cáo nhanh chóng đóng giả nhân viên chăm sóc khách hàng của facebook, sử dụng chính số điện thoại (đã được đính kèm trong website lừa đảo trên) rồi dùng lời lẽ gian dối thuyết phục, dụ dỗ họ (người dùng facebook) khai báo thông tin cá nhân vào web và thực hiện việc thanh toán các khoản tiền lệ phí gồm: phí làm hồ sơ, thuế trước bạ xe, phí VAT giải thưởng, cước vận chuyển..., cách thức thanh toán là nộp card điện thoại. Sau cùng các bị cáo truy cập vào hộp thư đến gmail (được đính kèm theo web) lấy các mã thẻ ra nạp vào các tài khoản Paygate, Xengclub, Bonclub quy đổi thành đơn vị tiền tương ứng (trên các tài khoản đó) rồi mang đi bán cho người tiêu thụ theo tỷ lệ 10:8 (bán 10, lấy ra 8) và lấy thành tiền mặt chia nhau tiêu xài. Bằng cách thức này, các bị cáo đã lừa đảo được của rất nhiều người bị hại trên mạng xã hội facebook, chiếm đoạt được số tiền tổng cộng 173.000.000đ. Ngoài ra để che đậy hành vi phạm tội của mình, sau khi thực hiện trót lọt các vụ việc, các bị cáo nhanh chóng chặn mọi liên hệ, xóa bỏ mọi thông tin liên quan và vứt bỏ các số điện thoại đã dùng vào việc lừa đảo, đồng thời cũng không thực hiện bất cứ việc trao giải thưởng nào như đã hứa rồi chiếm đoạt số tiền đã lừa được của các bị hại.

Cụ thể các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội như sau:

Đối với bị cáo Đặng Anh V trong thời gian từ tháng 10/2017 đến tháng 12/2017 đã cùng 03 bị cáo Đoàn Ngọc T, Nguyễn Quốc S, Phạm T và tự mình thực hiện tổng cộng **04** lần lừa đảo, chiếm đoạt được số tiền là **73.000.000đ**. Trong đó, cùng với Đoàn Ngọc T lừa đảo chiếm đoạt số tiền 40.000.000 đồng, cùng với Phạm T số tiền

20.000.000 đồng, cùng với Nguyễn Quốc S 10.000.000 đồng và tự mình Đặng Anh V thực hiện việc lừa đảo số tiền 3.000.000 đồng. Sau khi chiếm được tài sản Văn mang đi bán cho bà Phan Thị C- trú thôn Th M, xã Q X 1, huyện QS và một đối tượng không xác định tên Vinh, trú tại thị trấn Nam Phước, DX với tỷ lệ 10:8, được chia và thụ hưởng số tiền là 31.000.000đ. Đồng thời, trong thời gian khoảng tháng 10/2017, V còn hỗ trợ cho Nguyễn Hùng M thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản trên mạng bằng cách cho nội dung tin lừa đảo để M thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của mình.

Bị cáo Đoàn Ngọc T2 trong thời gian từ tháng 10/2017 đến tháng 11/2017 đã cùng 02 bị cáo Đặng Anh V, Đặng Công V và tự mình thực hiện tổng cộng **06** lần lừa đảo. Tổng chiếm đoạt được số tiền là **60.000.000đ**. Trong đó, cùng với Đặng Anh V số tiền là 40.000.000 đồng, cùng với Đặng Công V số tiền 12.000.000 đồng, tự mình thực hiện số tiền 8.000.000 đồng.

Bị cáo Phạm T trong 10/2017, đã tham gia cùng Đặng Anh V thực hiện **04** lần lừa đảo, mỗi lần với số tiền là 5.000.000 đồng, tổng số tiền Tu và Anh V chiếm đoạt là **20.000.000đ**, sau khi bán cho người tiêu thụ, Tuấn được chia 8.000.000đ.

Bị cáo Đặng Công V trong thời gian từ tháng 9/2017 đến tháng 11/2017, đã cùng bị cáo Đoàn Ngọc T2 thực hiện **02** lần lừa đảo (01 lần 5.500.000 đồng, 01 lần 6.500.000 đồng), tổng số tiền chiếm đoạt là **12.000.000đ**, sau khi bán cho người tiêu thụ tỷ lệ 10:8 thì Văn được chia số tiền 5.000.000đ. Ngoài ra, trong khoảng thời gian này, Đặng Công V còn giúp cho Đoàn Ngọc T2 tạo lập một gmail để Thiện thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của mình.

Bị cáo Nguyễn Quốc S trong tháng 10/2017, đã tham gia cùng Đặng Anh V thực hiện **01 vụ** lừa đảo, số tiền chiếm đoạt là **10.000.000đ**, sau khi bán cho người tiêu thụ, Sang được chia 4.000.000đ (Bốn triệu đồng).

Bị cáo Nguyễn Hùng M trong thời gian từ tháng 7/2017 đến tháng 01/2018, đã một mình thực hiện **04** lần lừa đảo (mỗi lần Hùng chiếm đoạt được số tiền 10.000.000 đồng), tổng cộng số tiền chiếm đoạt là **40.000.000đ**. Sau khi chiếm đoạt được tài sản, M mang đi bán cho người tiêu thụ tỷ lệ 10:8, thụ hưởng số tiền 32.000.000đ.

Bị cáo Võ Quang T trong thời gian từ tháng 10/2017 đến tháng 01/2018, đã một mình thực hiện **10** lần lừa đảo (mỗi lần chiếm đoạt từ 2.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng), tổng số tiền chiếm đoạt là **40.000.000đ**. Sau khi chiếm đoạt được tài sản, T mang đi bán cho người tiêu thụ tỷ lệ 10:8, thụ hưởng số tiền 32.000.000đ. Ngoài ra, T còn giúp cho Đoàn Ngọc T2 mua một website để Thiện thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Tại bản Cáo trạng số 03/CT-VKSDX ngày 20/02/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện DX truy tố: Đặng Anh V, Đoàn Ngọc T2 về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a, c khoản 2 Điều 174 BLHS; Phạm T, Đặng Công V và Nguyễn Quốc S về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 2

Điều 174 BLHS; Nguyễn Hùng M, Võ Quang T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 174 BLHS.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện DX giữ nguyên nội dung Cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: áp dụng điểm a, c khoản 2 Điều 174, các điểm b, s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 54 BLHS đối với bị cáo Anh V và Thiện và khoản 2 Điều 51 đối với Anh V xử phạt bị cáo Đặng Anh V từ 18 đến 24 tháng tù, Đoàn Ngọc T từ 15 đến 18 tháng tù; áp dụng điểm a khoản 2 Điều 174, các điểm b, s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 54 BLHS đối với bị cáo Tuấn, Sang, Công Văn và khoản 2 Điều 51 BLHS đối với bị cáo Tuấn, Sang, Điều 91, Điều 101 BLHS đối với bị cáo Công Văn đề nghị xử phạt bị cáo Tuấn, Sang, Công Văn mỗi bị cáo từ 06 đến 09 tháng tù; áp dụng khoản 1 Điều 174, các điểm b, s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS đối với bị cáo M và bị cáo T và khoản 2 Điều 51 BLHS đối với bị cáo Mạnh, xử phạt bị cáo M và T mỗi bị cáo từ 09 đến 12 tháng tù và đề nghị xử lý vật chứng, xử lý toàn bộ số tiền thu giữ của các bị cáo theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa các bị cáo Đặng Anh V, Đoàn Ngọc T, Nguyễn Hùng M, Võ Quang T, Phạm T, Đặng Công V, Nguyễn Quốc S khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như cáo trạng truy tố và xin HĐXX giảm nhẹ hình phạt.

Ý kiến của người bào chữa cho bị cáo Đặng Công V: khi phạm tội bị cáo là người dưới 18 tuổi, nhận thức suy nghĩ còn non nớt nông cạn, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã tác động gia đình bồi thường toàn bộ thiệt hại, nên đề nghị HĐXX áp dụng Điều 100 BLHS xử bị cáo hình phạt cải tạo không giam giữ.

Đại diện hợp pháp của bị cáo Công Văn thừa nhận Viện kiểm sát nhân dân huyện DX truy tố bị cáo về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản như cáo trạng đã nêu là đúng, thống nhất ý kiến của người bào chữa và xin HĐXX giảm nhẹ hình phạt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị C không có ý kiến yêu cầu gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Phân tích những chứng cứ xác định có tội:*

Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, phù hợp với Bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện DX, ý kiến Kiểm sát viên và các chứng cứ khác đã được thẩm tra tại phiên tòa, HĐXX có căn cứ xác định: Trong khoảng thời gian từ tháng 7/2017 đến tháng 01/2018, tại 03 địa điểm kinh doanh dịch vụ internet là Ken, Kin và Blue trên địa bàn huyện DX, các bị cáo Đặng Anh V, Đoàn Ngọc Th, Nguyễn Hùng M, Võ Quang T, Phạm T, Đặng Công V và Nguyễn Quốc S đã móc nối, cấu kết chặt chẽ với nhau để cùng thực hiện thủ đoạn gian dối bằng cách rao tin nhắn

trúng thưởng không có thật trên mạng xã hội facebook làm cho những người tham gia mạng xã hội facebook tin giải thưởng là có thật rồi dụ dỗ họ nộp tiền để làm thủ tục nhận thưởng dưới hình thức nộp thẻ cào điện thoại qua các trang web được các bị cáo lập sẵn được kết nối với tài khoản gmail của các bị cáo và chiếm đoạt của nhiều bị hại với tổng số tiền 173.000.000đ. Cụ thể: bị cáo Anh V thực hiện 04 lần được 73.000.000đ, trong đó cùng cấu kết với Thiện chiếm đoạt 40.000.000đ, cùng với Tuấn chiếm đoạt 20.000.000đ, cùng với Sang 10.000.000đ và tự mình chiếm đoạt được 3.000.000đ; Đoàn Ngọc T2 thực hiện 06 lần chiếm đoạt được 60.000.000 đồng, trong đó cấu kết với Đặng Anh V chiếm đoạt 40.000.000đ, với Đặng Công V chiếm đoạt 12.000.000đ và tự mình thực hiện 04 lần chiếm đoạt được 8.000.000đ; Phạm T cấu kết với Đặng Anh V thực hiện 04 lần, mỗi lần chiếm đoạt 5.000.000đ, tổng cộng là 20.000.000 đồng; Đặng Công V cùng cấu kết 02 lần với bị cáo Thiện chiếm đoạt số tiền là 12.000.000đ (01 lần chiếm đoạt được 5.500.000đ và 01 lần 6.500.000đ); Nguyễn Quốc S cùng cấu kết phối hợp với Anh V thực hiện 01 lần chiếm đoạt số tiền là 10.000.000 đồng; Nguyễn Hùng M một mình thực hiện 4 lần chiếm đoạt số tiền 40.000.000 đồng; Võ Quang T một mình thực hiện 10 lần chiếm đoạt số tiền là 40.000.000 đồng. Khi thực hiện hành vi các bị cáo Anh Văn, Thiện, Tuấn, Công Văn, Sang có sự chuẩn bị về phương tiện, tài khoản đồng thời có sự tổ chức, bàn bạc, phân công nhiệm vụ cụ thể, phối hợp chặt chẽ nhau trong việc thực hiện hành vi gian dối chiếm đoạt tài sản; Anh Văn, Thiện chiếm đoạt được tài sản có giá trị từ 50.000.000đ đến dưới 200.000.000đ. Vì vậy có căn cứ kết luận các bị cáo Đặng Anh V, Đoàn Ngọc T2 phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a, c khoản 2 Điều 174 BLHS; Phạm T, Đặng Công V và Nguyễn Quốc S phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 174 BLHS; Nguyễn Hùng M, Võ Quang T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 174 BLHS. Do đó, Cáo trạng của VKSND huyện DX là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2] Đánh giá tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo:

Hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản người khác, gây ảnh hưởng trật tự an toàn xã hội nên cần áp dụng mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của từng bị cáo mới có tác dụng răn đe, giáo dục riêng và phòng ngừa chung cho xã hội.

Xét vai trò, nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ từng bị cáo, HĐXX nhận định:

Sau khi phạm tội cả 07 bị cáo đều thành khẩn khai báo, biết ăn năn hối cải; tự nguyện bồi thường thiệt hại khắc phục hậu quả, trong đó T bồi thường toàn bộ thiệt hại nên các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 BLHS; bị cáo Sang và Công Văn phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn nên được áp dụng điểm h khoản 1 Điều 51 BLHS; gia đình các bị cáo Anh Văn, Sang, Tuấn, Mcó công với nước nên được áp dụng khoản 2 Điều 51 BLHS; Trong các lần

thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản, Anh V, Th, M, T, Tuấn, Công V mỗi bị cáo đều có 02 lần phạm tội trở lên mà mỗi lần đều đủ yếu tố cấu thành tội phạm nên bị áp dụng tình tiết phạm 02 lần trở lên quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS; các bị cáo Anh V, Th, T, Công V, S có 02 tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 1 Điều 51 nên được áp dụng khoản 1 điều 54 BLHS xử các bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt.

Trong vụ án này, Anh V và T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” với 02 tình tiết định khung là “có tổ chức” và “chiếm đoạt tài sản có giá trị từ 50.000.000đ đến dưới 200.000.000đ”. Trong đó bị cáo Anh V có nhiều lần cấu kết với các bị cáo khác hơn nữa Anh V là người chủ động phân công nhiệm vụ, chuẩn bị phương tiện, công cụ trực tiếp thực hiện tội phạm, giá trị chiếm đoạt nhiều hơn bị cáo Thiện nên xử bị cáo Anh V mức án cao hơn bị cáo Thiện.

Các bị cáo T, Công V và Sang phạm tội có 01 tình tiết định khung là “có tổ chức” nên mức hình phạt áp dụng cho 03 bị cáo này thấp hơn bị cáo Anh V và Th. Trong đó Tuấn thực hiện số lần lừa đảo chiếm đoạt tài sản nhiều hơn Công V và Sang nên xử bị cáo mức án cao hơn. Khi phạm tội bị cáo Công Văn là người chưa đủ 18 tuổi, có nhân thân tốt, có 03 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 BLHS và 01 tình tiết tăng nặng, bị cáo Sang thực hiện 01 lần, giá trị thấp nhất trong các bị cáo, nhưng có nhân thân xấu nên cần xử bị cáo Công V và Sang hình phạt tù và mức hình phạt là bằng nhau. Tuy nhiên, bị cáo Công V có đủ điều kiện áp dụng Điều 65 BLHS nên xử bị cáo mức hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo.

Nguyễn Hùng M, Võ Quang T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 174 BLHS, nhưng giá trị chiếm đoạt lớn, phạm tội nhiều lần nên xử 02 bị cáo mức án bằng nhau.

Bị cáo Đặng Anh V, Nguyễn Hùng M bị tạm giam 05 tháng 22 ngày (từ ngày 14/5/2018 đến ngày 06/11/2018); bị cáo Đoàn Ngọc T, Phạm T bị tạm giam 03 tháng 28 ngày (từ ngày 14/5/2018 đến ngày 12/9/2018); bị cáo Nguyễn Quốc S, Võ Quang T bị tạm giam 04 tháng 26 ngày (từ ngày 14/5/2018 đến ngày 10/10/2018); bị cáo Đặng Công V bị tạm giam 03 tháng 26 ngày (từ ngày 14/5/2018 đến ngày 10/9/2018) được trừ vào thời gian chấp hành hình phạt.

[3] *Về trách nhiệm dân sự*: Đối với số tiền đang tạm gửi vào kho bạc Nhà nước huyện DX gồm: Đặng Anh V là 23.000.000đ; Đoàn Ngọc T là 34.000.000đ; Nguyễn Hùng M 20.000.000đ, Nguyễn Quốc S là 5.000.000đ; Phạm T là 10.000.000đ, Đặng Công V là 6.000.000đ, Võ Quang T: 40.000.000đ. Đây là số tiền các bị cáo tự nguyện bồi thường khắc phục hậu quả cho bị hại. Tuy nhiên, Cơ quan điều tra đã thông báo tìm kiếm bị hại trên phương tiện thông tin đại chúng là báo công lý 03 số liên tiếp vào các ngày 01, 06, 08 tháng 3 năm 2019 và phát sóng trên đài tiếng nói Việt Nam vào lúc 17 h 45 phút vào các ngày 24, 25, 26 tháng 12 năm 2018, nhưng không có thông tin phản hồi nên cần tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước toàn bộ số tiền này.

Tiếp tục truy thu của bị cáo Đặng Anh V 15.000.000đ và của bị cáo Nguyễn Hùng M 20.000.000đ để sung vào ngân sách Nhà nước

[4] *Về xử lý vật chứng:*

Trả cho bị cáo Thiện 800.000đ được gửi tại kho bạc nhà nước huyện DX vào ngày 27/06/2018 theo tài khoản số 3949.0.1053629 00000.

Quá trình điều tra, thu giữ của bị cáo Đặng Anh V 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6, màu đồng có sim số 0905.823.240; của Thiện 01 điện thoại di động hiệu Nokia 105, màu đen, có sim số 0949.779.510 và M01 điện thoại di động hiệu Nokia, màu xám trắng có sim số 0898201493. HĐXX nhận định: 03 chiếc điện thoại trên là công cụ phương tiện phạm tội nên tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước, 03 chiếc sim không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với số tiền 5.000.000 đồng do bà Phan Thị C tự nguyện khắc phục hậu quả: Đây là tiền bà Cúc đổi mã thẻ card điện thoại do các bị cáo phạm tội mà có, nhưng bà Cúc không biết nguồn gốc số card này do phạm tội mà có và tự nguyện giao nộp để khắc phục hậu quả nên cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

[5] *Về án phí:* Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo qui định của pháp luật.

[6] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện DX, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện DX, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[7] Các vấn đề khác: Đối với bà Phan Thị C không biết các toàn bộ mã số thẻ cào điện thoại mua của các bị cáo là tài sản do lừa đảo mà có. Do đó cơ quan điều tra không xử lý hình sự đối với bà C về hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có là phù hợp.

Đối với đối tượng tiêu thụ tên V, trú thị trấn N Ph, Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh, truy tìm nhưng không xác định được danh tính, nơi ở vì vậy chưa thể tiến hành xử lý được.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Đặng Anh V, Đoàn Ngọc T, Nguyễn Quốc S, Phạm T, Đặng Công V, Nguyễn Hùng M, Võ Quang T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

1. Căn cứ điểm a, c khoản 2 Điều 174; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, khoản 1 Điều 54 BLHS 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo **Đặng Anh V** 18 tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt

thi hành án. Bị cáo được trừ 05 tháng 22 ngày tạm giam vào thời gian chấp hành hình phạt tù.

2. Căn cứ điểm a, c khoản 2 Điều 174; các điểm b, s khoản 1,2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, khoản 1 Điều 54 BLHS 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo **Đoàn Ngọc T215** tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt thi hành án. Bị cáo được trừ 03 tháng 28 ngày tạm giam vào thời gian chấp hành hình phạt tù.

3. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 174; các điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54, điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo **Phạm T** 09 tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt thi hành án. Bị cáo được trừ 03 tháng 28 ngày tạm giam vào thời gian chấp hành hình phạt tù.

4. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 174; các điểm b, s, h khoản 1 khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54 BLHS 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo **Nguyễn Quốc S** 06 tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt thi hành án. Bị cáo được trừ 04 tháng 26 ngày tạm giam vào thời gian chấp hành hình phạt tù.

5. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 174; các điểm b, s, h khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54; Điều 91, Điều 65 BLHS 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo **Đặng Công V** 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 12 tháng, bị cáo được trừ 03 tháng 26 ngày tạm giam vào thời gian thử thách.

Giao bị cáo **Đặng Công V** cho Ủy ban nhân dân phường TT, thành phố Tam Kỳ, tỉnh DX để giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân phường TT trong việc giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách án treo. Nếu người hưởng án treo thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc thì thực hiện theo qui định tại Điều 69 Luật thi hành án hình sự năm 2011.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật này.

6. Căn cứ khoản 1 Điều 174; các điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 điều 52 BLHS 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo **Nguyễn Hùng M** 09 tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt thi hành án. Bị cáo được trừ 05 tháng 22 ngày tạm giam vào thời gian chấp hành hình phạt tù.

7. Căn cứ khoản 1 Điều 174; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 điều 52 BLHS 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo **Võ Quang T** 09 tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt thi hành án. Bị cáo được trừ 04 tháng 26 ngày tạm giam vào thời gian chấp hành hình phạt tù.

Về trách nhiệm dân sự:

- Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền các bị cáo tự nguyện giao nộp khắc phục hậu quả là 138.000.000đ (Một trăm ba mươi tám triệu đồng) đang tạm gửi vào tài khoản số 3949.0.1053629 00000 của công an huyện DX tại kho bạc Nhà nước huyện DX vào các ngày 27/06/2018, 06/8/2018, 16/8/2018, 31/8/2018 người nộp tiền Hồ Đức Vinh.

- Tiếp tục truy thu của bị cáo Đặng Anh V số tiền 15.000.000đ và bị cáo Nguyễn Hùng M 20.000.000đ do phạm tội mà có để sung vào ngân sách Nhà nước.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, tuyên:

- Trả cho bị cáo Đoàn Ngọc T số tiền 800.000đ (Tám trăm ngàn đồng) được gửi vào tài khoản số 3949.0.1053629 00000 của công an huyện DX tại kho bạc Nhà nước huyện DX vào các ngày 27/06/2018.

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước: 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6, màu đồng; 01 điện thoại di động hiệu Nokia 105, màu đen và 01 điện thoại di động hiệu Nokia, màu xám trắng.

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng) do bà Phan Thị C tự nguyện khắc phục hậu quả đang tạm gửi vào tài khoản số 3949.0.1053629 00000 của công an huyện DX tại kho bạc Nhà nước huyện DX vào ngày 01/10/2018.

- Tịch thu tiêu hủy: sim số 0905.823.240. sim số 0949.779.510 và sim số 0898201493.

(Vật chứng hiện do Chi cục thi hành án dân sự huyện DX quản lý)

Về án phí: Các bị cáo Đặng Anh V, Đoàn Ngọc T, Nguyễn Quốc S, Phạm T, Đặng Công V, Nguyễn Hùng M, Võ Quang T mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các bị cáo và những người tham gia tố tụng có mặt tại phiên tòa có quyền kháng trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (21/3/2019), những người liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh DX;
- VKS tỉnh DX
- Sở tư pháp tỉnh DX;
- VKSND huyện DX;
- Công an huyện DX;
- Chi cục THADS huyện DX ;
- Bị cáo; bị hại;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Minh Quốc

